

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Rà soát, xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện Nghị định 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; Công văn số 1635/BDTTG-VPQGDTMN ngày 12/6/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc rà soát xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP;

UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Rà soát, xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, phân định thôn đặc biệt khó khăn đối với các thôn có thay đổi sau khi thực hiện sắp xếp theo quy định của cấp có thẩm quyền; làm cơ sở để UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh theo quy định của Nghị định số 272/2025/NĐ-CP.

2. Việc rà soát, xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự phối hợp đồng bộ của các sở, ngành, địa phương liên quan. Thực hiện đúng tiêu chí, đúng trình tự, thủ tục theo quy định; bảo đảm khách quan, chính xác, công khai, minh bạch và đúng tiến độ đề ra.

3. Các cấp, các ngành, địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền các quy định của Nghị định số 272/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo đến cán bộ, công chức và Nhân dân bằng các hình thức phù hợp.

4. UBND các xã, phường có trách nhiệm tổ chức rà soát, tổng hợp số liệu, lập hồ sơ theo quy định; cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng phục vụ công tác thẩm định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu và kết quả rà soát trên địa bàn.

II. ĐỐI TƯỢNG ĐỊA BÀN, NGUYÊN TẮC PHÂN ĐỊNH, THỜI ĐIỂM LẤY SỐ LIỆU

1. Đối tượng, địa bàn

- Các thôn có thay đổi sau khi thực hiện sắp xếp theo quy định của cấp có thẩm quyền trên địa bàn 33 xã, cụ thể: 30 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và 3 xã Cẩm Lý, Nhã Nam, Lạng Giang có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định 530/QĐ-UBND ngày 19/12/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh về Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026-2030.

- Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Lưu ý: Không thực hiện việc xác định, phân định lại đối với các thôn giữ nguyên trạng, không thực hiện sắp xếp và các đơn vị hành chính cấp xã.

2. Nguyên tắc rà soát, xác định, phân định

- Khách quan, chính xác, công khai, minh bạch, bảo đảm đúng thực tiễn, phù hợp đặc thù từng vùng, miền, địa phương.

- Dựa trên số liệu chính thức, được cập nhật theo thời điểm quy định, có cơ sở pháp lý rõ ràng và được thẩm định của cơ quan có thẩm quyền.

- Xác định, phân định theo nguyên tắc kết hợp cả tỷ lệ tương đối và giá trị tuyệt đối, gắn với điều kiện địa lý tự nhiên, hạ tầng, mức độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chỉ xác định, phân định lại khi có sự thay đổi địa giới của thôn, xã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Bảo đảm nguyên tắc kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt và thực hiện xác định, phân định.

3. Thời điểm lấy số liệu rà soát: Tính tại thời điểm 31/12/2025.

III. TIÊU CHÍ PHÂN ĐỊNH

1. Tiêu chí phân định địa bàn:

a) Tiêu chí xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại các khoản 1 Điều 4 Nghị định 272/2025/NĐ-CP.

b) Tiêu chí xác định thôn miền núi

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại các khoản 1 Điều 5 Nghị định 272/2025/NĐ-CP

c) Xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại các khoản 1 Điều 6 Nghị định 272/2025/NĐ-CP

2. Tiêu chí phân định thôn đặc biệt khó khăn

a) Đối tượng phân định thôn đặc biệt khó khăn (viết tắt là ĐBK): Các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Tiêu chí phân định: Thực hiện theo tiêu chí quy định tại Điều 7 Nghị định 272/2025/NĐ-CP.

(Kèm theo hướng dẫn xác định các tiêu chí của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công thương và Quyết định 806/QĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 toàn quốc).

IV. QUY TRÌNH, HỒ SƠ XÁC ĐỊNH THÔN, XÃ, TỈNH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI; PHÂN ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

1. Đối với cấp xã

1.1. Quy trình thực hiện

a) Căn cứ các tiêu chí quy định tại các Điều 4, 5, 6 (đối với thôn) và Điều 7 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP để xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn.

b) Lập báo cáo kết quả xác định, phân định gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo).

c) Thời gian hoàn thành: Xong trước ngày **15/7/2026**.

1.2. Hồ sơ cấp xã gửi cấp tỉnh (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo): 02 bộ, 01 hồ sơ điện tử và 01 hồ sơ giấy, mỗi bộ gồm:

a) Các biểu xác định về mức độ đạt hoặc không đạt của các tiêu chí quy định tại Điều 4, 5, 6 (đối với thôn) và Điều 7 và 8 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP (Mẫu số 01, 04, 06 ban hành kèm theo Nghị định 272/2025/NĐ-CP);

b) Báo cáo tự đánh giá các thôn về mức độ đạt hoặc không đạt các tiêu chí quy định tại Điều 4, 5, 6, 7 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP *(Theo mẫu báo cáo gửi kèm kế hoạch)*.

c) Quyết định phê duyệt hộ nghèo, cận nghèo của xã năm 2025.

d) Tài liệu minh chứng của thôn, xã có liên quan đến các tiêu chí quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP *(ví dụ: danh sách hộ chưa chưa có hợp đồng mua bán điện...)*.

2. Đối với cấp tỉnh

2.1. Quy trình thực hiện

a) Bước 1: Thành lập hội đồng thẩm định kết quả xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kết quả phân định thôn đặc biệt khó khăn, thời gian thực hiện xong **trước ngày 30/6/2026**;

b) Bước 2: Căn cứ tiêu chí quy định các Điều 4, 5, 6, và Điều 7 Nghị định 272/2025/NĐ-CP, Hội đồng thẩm định xét duyệt xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kết quả phân định thôn đặc biệt khó khăn, thời gian xong **trước ngày 25/7/2026**;

c) Bước 3: Sau khi có kết quả xác định, phân định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn, thời gian xong **trước ngày 8/8/2026**;

Bước 4: Lập báo cáo kết quả xác định, phân định gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong **trước ngày 15/8/2026**.

2.2. Hồ sơ cấp tỉnh gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo: 01 hồ sơ điện tử và 01 hồ sơ giấy, mỗi bộ gồm:

a) Báo cáo kết quả và danh sách chi tiết xác định, phân định các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, II, III (Mẫu số 01, 04 ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Số liệu về dân số và số liệu, tài liệu của thôn có liên quan đến các tiêu chí quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP;

c) Báo cáo thẩm định của cơ quan có thẩm quyền về kết quả xác định thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kết quả phân định thôn đặc biệt khó khăn;

đ) Quyết định phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III (Mẫu số 06, 07 ban hành kèm theo Nghị định này);

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện rà soát, xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Phổ biến, quán triệt nội dung Nghị định 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, UBND tỉnh đến các đơn vị, địa phương liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, tổng hợp hồ sơ cấp xã gửi cấp tỉnh; tham mưu họp hội đồng thẩm định kết quả của cấp xã và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.

- Tham mưu cho UBND tỉnh hoàn thiện bộ hồ sơ cấp tỉnh gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo quy định.

2. Các Sở ngành: Nông nghiệp và Môi trường; Công thương; Xây dựng

- Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp số liệu, tài liệu liên quan và thẩm định hồ sơ đề nghị của các xã liên quan đến phạm vi quản lý của ngành.

- Phối hợp tham gia kiểm tra hiện trạng xác định các tiêu chí phân định (nếu có) do cấp xã đề nghị làm căn cứ thẩm định hồ sơ và phê duyệt kết quả.

3. UBND các xã, phường

- Phổ biến, quán triệt nội dung Quyết định số 272/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và văn bản chỉ đạo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, của tỉnh đến các đơn vị, địa phương liên quan; chỉ đạo công tác rà soát đối với các xã, thôn.

- Tổ chức thực hiện việc rà soát, xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phân định thôn đặc biệt khó khăn đối với các thôn có thay đổi sau khi thực hiện sắp xếp đảm bảo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu, số liệu liên quan và kết quả xác định, phân định trên địa bàn

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, UBND các xã/phường phản ánh kịp thời về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch rà soát, xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ./.

Nơi nhận:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (bc);
- Thường trực tỉnh ủy, HĐND tỉnh (bc);
- CT, PCT UBND tỉnh Phan Thế Tuấn;
- Các sở ngành: Dân tộc và Tôn giáo, Công thương, Xây dựng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Cục thống kê tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, THĐT;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thế Tuấn